



وَجَعَلْنَا فِيهَا رِوَاسِيَ شِيبَخْتٍ وَاسْقَيْنَكُم مَّاءً فُرَاتًا ۝

**SURAH**

**al-mursalat (77)**

(Mặc khải tại Makkah)

المرسلة ٤٤

سُورَةُ الْمُرْسَلَاتِ

تَبْرَكَ الَّذِي ٢٩

سُورَةُ الْمُرْسَلَاتِ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

وَالْمُرْسَلَاتِ عُرْفًا ۝١ فَالْعَصْفَاتِ عَصْفًا ۝٢ وَالنَّشْرِتِ نَشْرًا ۝٣  
فَالْفَرَقَاتِ فَرَقًا ۝٤ فَالْمُلْقِيَتِ ذِكْرًا ۝٥ عُدْرًا أَوْ نُذْرًا ۝٦ إِنَّمَا  
تُوعَدُونَ لَوَاقِعٌ ۝٧ فَإِذَا التُّجُومُ طُمِسَتْ ۝٨ وَإِذَا السَّمَاءُ فُرِجَتْ ۝٩  
وَإِذَا الْجِبَالُ سُفَّتْ ۝١٠ وَإِذَا الرَّسُلُ أُقْتَتَ ۝١١ لِأَيِّ يَوْمٍ أُجِّلَتْ  
لِيَوْمِ الْفَصْلِ ۝١٢ وَمَا أَدْرَاكَ مَا يَوْمُ الْفَصْلِ ۝١٤ وَيَلُ يَوْمَئِذٍ  
لِلْمُكَذِّبِينَ ۝١٥ أَلَمْ نُهْلِكِ الْأَوَّلِينَ ۝١٦ ثُمَّ نَتَّبِعُهُمُ الْآخِرِينَ ۝١٧  
كَذَلِكَ نَفْعَلُ بِالْمُجْرِمِينَ ۝١٨ وَيَلُ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ ۝١٩

٥٨٠

## SỰ MẶC KHẢI CỦA SURAH AL-MURSALAT VÀ SỰ XƯỚNG ĐỌC SURAH NÀY TRONG LỄ NGUYỆN SOLAH MAGHRIB:

Imam Al-Bukhari (r.a) ghi chép lại từ ông `Abdullah (رضي الله عنه) rằng ông Ibn Mas`ud (رضي الله عنه) đã nói như sau: “Trong lúc chúng tôi đang ở cùng với Thiên sứ của Allah (ﷺ) trong một hang núi tại Mina thì والمُرْسَلَاتِ ﴿ - Thề bởi (các luồng gió) được phái đi,﴾ được mặc khải cho Người (ﷺ). Trong lúc Người (saw) đang xướng đọc nó thì ta cũng nhân cơ hội đó học lại nó từ miệng của Người (ﷺ). Quả thật, khi miệng của Người (ﷺ) vẫn đang lấp nhấp đọc nó thì có một con rắn nhảy vào chúng tôi. Thiên sứ (ﷺ) nói:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم: «اقْتُلُوهَا»

“**Hãy giết chết nó!**” Chúng tôi liền nhanh chóng đuổi theo nó, nhưng nó đã chạy đi mất. Sau đó, Thiên sứ (ﷺ) đã nói như sau:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم: «وَقَيْتَ شَرَّكُمْ، كَمَا وَقَيْتُمْ شَرَّهَا»

“**Nó được cứu thoát khỏi sự hãm hại của các người giống như việc các người được cứu thoát khỏi sự hãm hại của nó.**”

- Imam Muslim (r.a) cũng đã ghi chép lại Hadith này bằng phương cách của Al-A`mash.
- Imam Ahmad (r.a) ghi chép lại từ ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) rằng mẹ của ông thuật lại rằng bà đã có nghe Thiên sứ (ﷺ) xướng đọc والمُرْسَلَاتِ عُرْفًا ﴿ - Thề bởi (các luồng gió) được phái đi, luồng này tiếp theo luồng kia;﴾ trong lễ nguyện Solah Maghrip.
- Ông Malik (r.a) thuật lại từ ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) rằng mẹ của ông là Umm Al-Fadl (r.a) nghe ông xướng đọc والمُرْسَلَاتِ عُرْفًا ﴿ - Thề bởi (các luồng gió) được phái đi, luồng này tiếp theo luồng kia;﴾ thì bà đã nói với ông như sau: “*Hỡi con trai của ta! Con đã nhắc nhở ta qua sự xướng đọc của con về Surah này. Quả thật, đó là điều cuối cùng mà ta đã từng nghe từ Thiên sứ của Allah (saw). Người (ﷺ) đã xướng đọc nó trong lễ nguyện Solah Maghrib (có nghĩa là trước khi Người (ﷺ) qua đời).*”
- Imam Al-Bukhari và Imam Muslim (r.a) đều đã ghi chép lại sự thuật lại của ông Malik (r.a) trong hai Quyển Sahih.



بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

**Nhân Danh Allah, Đáng Rất Mục Độ Lượng, Đáng Rất Mục Khoan Dung**

﴿وَالْمُرْسَلَاتِ عُرْفًا (١)﴾

﴿1- Thề bởi (các luồng gió) được phái đi, luồng này tiếp theo luồng kia;﴾

﴿فَالْعَصْفَتِ عَصْفًا (٢)﴾

﴿2- Bởi thế, chúng thổi mạnh theo luồng,﴾

﴿والتَّشِيرَتِ نَشْرًا (٣)﴾

﴿3- Và chúng rải tung (mọi vật) đi khắp nơi;﴾

﴿فَالْفَرِقتِ فَرَقًا (٤)﴾

﴿4- Và tách biệt (cái tốt) khỏi (cái xấu)﴾

﴿فَالْمُلْقِيَتِ ذِكْرًا (٥)﴾

﴿5- Thề bởi (các vị Sứ) phổ biến Lời nhắc nhở đi rộng khắp.﴾

﴿عُدْرًا أَوْ نَذْرًا (٦)﴾

﴿6- Hoặc để chứng minh hoặc để cảnh cáo;﴾

﴿إِنَّمَا تُوعَدُونَ لَوَاقِعٌ (٧)﴾

﴿7- Quả thật, điều mà các người đã được hứa chắc chắn sẽ xảy ra.﴾

﴿فَإِذَا التَّجُومُ طُمِسَتْ (٨)﴾

﴿8- Bởi thế, khi những vì sao lu mờ dần;﴾

﴿وَإِذَا السَّمَاءُ فُرَجَّتْ (٩)﴾

﴿9- Và khi bầu trời bị chẻ làm hai;﴾

﴿وَإِذَا الْجِبَالُ نُسِفَتْ (١٠)﴾

﴿10- Và khi những quả núi bị thổi rắc đi như bụi;﴾

﴿وَإِذَا الرُّسُلُ أُقْتَتَتْ (١١)﴾

﴿11- Và khi các Sứ giả được gọi tập hợp vào một thời điểm;﴾

﴿لَا يَوْمَ أُجِّلَتْ (١٢)﴾

﴿12- Vào Ngày nào (những dấu hiệu đó) được dời lại?﴾

﴿لِيَوْمِ الْفُضْلِ (١٣)﴾

﴿13- Vào Ngày Phân Loại (giữa những kẻ ác và người thiện).﴾

﴿وَمَا أَدْرَاكَ مَا يَوْمِ الْفُضْلِ (١٤)﴾

﴿14- Và điều gì giải thích cho Người biết Ngày Phân loại là gì?﴾

﴿وَيَلَّ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ (١٥)﴾

## ﴿15- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾



### ALLAH THỀ BỞI CÁC TẠO VẬT KHÁC NHAU VỀ SỰ XẢY RA CỦA ĐỜI SAU:

- Ông Ibn Abi Hatim (رضي الله عنه) ghi chép lại rằng ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه) đã nói:

﴿وَالْمُرْسَلَاتِ عُرْفًا﴾

﴿Thề bởi (các luồng gió) được phái đi, luồng này tiếp theo luồng kia;﴾; nó có nghĩa là “*các Thiên thần*”.

- Trong một sự thuật lại từ ông Abu Salih (رضي الله عنه) rằng ông đã nói như sau: “*Đây là các Vị Sư giả.*”
- Trong một sự thuật lại khác từ ông Abu Salih (رضي الله عنه) rằng ông cũng đã nói như sau: “*Nó có nghĩa là các Thiên thần.*” Ông Abu Salih cũng đã nói về ý nghĩa của Al-`Asifat, Al-Fariqat và Al-Mulqiyat rằng tất cả đều ám chỉ về các Thiên thần.
- Ông Ath-Thawri (رضي الله عنه) thuật lại từ ông Salamah bin Kuhayl (رضي الله عنه) từ ông Muslim Al-Batin (r.a) từ ông Abu Al-`Ubaydayn (رضي الله عنه) rằng ông đã hỏi ông Ibn Mas`ud (رضي الله عنه) về ý nghĩa của ﴿وَالْمُرْسَلَاتِ عُرْفًا﴾ và ông Ibn Mas`ud (رضي الله عنه) đã nói như sau: “*Các luồng gió.*”
- Ông Ibn Mas`ud cũng đã nói tương tự về Al-`Asifat `Asfa và An-Nashirat Nashara rằng tất cả đều có nghĩa là các luồng gió.
- Ông Ibn `Abbas, ông Mujahid và ông Qatadah (رضي الله عنه) cũng đã nói tương tự.
- Ông Ibn Jarir (رضي الله عنه) khẳng định chắc chắn rằng Al-`Asifat `Asfa có nghĩa là *các luồng gió*; giống như ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) và những ai theo ông đã nói.
- Tuy nhiên, ông Ibn Jarir (رضي الله عنه) đã không khẳng định rằng An-Nashirat Nashara có nghĩa là các Thiên thần hay là các luồng gió, như đã được nói ở phần trước. Được thuật lại từ ông Abu Salih (رضي الله عنه) rằng An-Nashirat Nashara là cơn mưa.

Ý nghĩa rõ ràng nhất là Lời phán của Allah (ﷻ):

قَالَ اللَّهُ تَعَالَى: ﴿وَأَرْسَلْنَا الرِّيَّاحَ لَوَاقِحَ﴾ (سورة الحجر: ٢٢)

﴿Và TA gửi luồng gió gieo tinh﴾ [Surah Al-Hijr: 22]

Và Allah (ﷻ) cũng đã phán như sau:

قَالَ اللَّهُ تَعَالَى: ﴿وَهُوَ الَّذِي يُرْسِلُ الرِّيَّاحَ بُشْرَىٰ بَيْنَ يَدَيْ رَحْمَتِهِ﴾ (سورة الأعراف: ٥٧)

﴿Và Ngài là Đấng đưa những luồng gió báo trước tin mừng về Hồng ân của Ngài; mãi cho đến khi chúng tập trung các lớp mây chứa nước mưa lại,﴾



Tương tự, Al-`Asifat là những luồng gió. Nó được nói (trong ngôn ngữ Ả-rập) rằng những luồng gió `Asifat tạo ra ồn bằng hơi thổi của nó. Giống như vậy, An-Nashirat là những luồng gió phân tán vào những đám mây trong bầu trời theo Ý muốn của Đấng Chủ Tể (ﷻ).

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán:

قَالَ اللَّهُ تَعَالَى: ﴿فَالْفَرَقَاتِ فَرَقًا. فَاَلْمَلَكِيَّتِ ذِكْرًا. عُذْرًا أَوْ نُذْرًا﴾

﴿Và tách biệt (cái tốt) khỏi (cái xấu); Thề bời (các vị Sứ) phổ biến Lời Nhắc nhở đi rộng khắp.

Hoặc để chứng minh hoặc để cảnh cáo﴾

- Ông Ibn Mas`ud, ông Ibn `Abbas, ông Masruq, ông Mujahid, ông Qatadah, ông Ar-Rabi` bin Anas, ông As-Suddi và ông Ath-Thawri (رضي الله عنه) nói rằng nó có nghĩa là các Thiên thần. Không có bất kỳ quan điểm nào khác hơn quan điểm này, bởi vì các Thiên thần là những Vị hạ thế xuống trần gian theo mệnh lệnh của Allah (ﷻ) để đến gặp các Vị Sứ giả, tách biệt cái tốt khỏi cái xấu, sự hướng dẫn và sự làm lạc, sự cho phép và sự nghiêm cấm. Các Thiên thần mang Thiên khai đến cho các Vị Sứ giả, chứa đựng sự cho phép hoặc sự miễn trách cho các tạo vật và một lời cảnh báo cho họ biết về sự trừng phạt của Allah (ﷻ) nếu như họ chống lại mệnh lệnh của Allah (ﷻ).

Allah (ﷻ) đã phán:

قَالَ اللَّهُ تَعَالَى: ﴿إِنَّمَا تُوعَدُونَ لَوَفْعٍ﴾

﴿Quả thật, điều mà các người đã được hứa chắc chắn sẽ xảy ra.﴾

Đây là chủ đề của những lời thề. Có nghĩa là những gì mà con người được hứa về Ngày Phán Xét chắc chắn sẽ xảy ra, Tiếng Còi hụ, sự phục sinh, sự tập trung lại tất cả các thể hệ trước và sau đã từng hiện hữu trên bề mặt trái đất, sự thưởng phạt cho những việc làm tốt và xấu. Tất cả những điều này sẽ xảy ra, và là điều không thể tránh khỏi.



**MỘT SỰ ĐỀ CẬP VỀ VÀI BIẾN CỐ SẼ XẢY RA VÀO NGÀY PHÁN XÉT:**

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán:

قَالَ اللَّهُ تَعَالَى: ﴿فَإِذَا التُّجُومُ طُمِسَتْ﴾

﴿Bời thề, khi những vì sao lu mờ dần﴾; có nghĩa là ánh sáng của chúng sẽ rời đi khỏi chúng.

Tương tự, Allah (ﷻ) cũng đã phán:

قَالَ اللَّهُ تَعَالَى: ﴿وَإِذَا التُّجُومُ انْكَدَرَتْ﴾ (سورة التكوير: ٢)

﴿Và khi các vì sao rụng;﴾ [Surah At-Takwir: 2]

قَالَ اللَّهُ تَعَالَى: ﴿وَإِذَا الْكَوَاكِبُ انْتَثَرَتْ﴾ (سورة الانفطار: ٢)

﴿Và khi các vì sao rơi rụng tản mác;﴾ [Surah AL-Infitar: 2]

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿وَإِذَا السَّمَاءُ فُرِجَتْ﴾

﴿Và khi bầu trời bị chẻ làm hai;﴾; có nghĩa là nó bị hở ra từng mảnh, tách ra, các mép lề của nó rơi rụng và các đường rìa của nó trở nên yếu ớt.

﴿وَإِذَا الْجِبَالُ نُسِفَتْ﴾

﴿Và khi những quả núi bị thổi rắc đi như bụi;﴾; có nghĩa là các quả núi bị dời đi, và không lưu lại bất kỳ dấu tích nào cả.

Như, Allah (ﷻ) đã phán:

﴿وَيَسْأَلُونَكَ عَنِ الْجِبَالِ فَقُلْ يَنْسِفُهَا رَبِّي نَسْفًا﴾ (سورة طه: ١٠٥)

﴿Và chúng hỏi Ngươi về những quả núi, hãy bảo chúng: “Rabb (Allah) của ta sẽ bứng chúng và vãi đi tứ tán.﴾ [Surah Ta-Ha: 105]

Và Allah (ﷻ) cũng đã phán:

﴿وَيَوْمَ نُسِِّرُ الْجِبَالَ وَتَرَى الْأَرْضَ بَارِزَةً وَحَشَرْنَاهُمْ فَلَمْ نُغَادِرْ مِنْهُمْ أَحَدًا﴾

(سورة الكهف: ٤٧)

﴿Và Ngày mà TA sẽ dỡ mất các ngọn núi và Ngươi sẽ thấy mặt đất sẽ trống trải bằng phẳng và TA sẽ tập trung chúng lại và sẽ không bỏ sót một người nào;﴾ [Surah Al-Kahf: 47]

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿وَإِذَا الرُّسُلُ أُقْتَتَتْ﴾

﴿Và khi các Sứ giả được gọi tập hợp vào một thời điểm﴾

- Ông Al-`Awfi (رضي الله عنه) thuật lại từ ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) rằng ông nói rằng ﴿أُقْتَتَتْ – Uqqitat﴾ có nghĩa là **“Tập hợp lại”**.
- Ông Ibn Zayd (رضي الله عنه) nói rằng điều này tương tự với Lời phán của Allah (ﷻ):

﴿يَوْمَ يَجْمَعُ اللَّهُ الرُّسُلَ﴾ (سورة المائدة: ١٠٩)

﴿Vào một Ngày Allah sẽ tập hợp tất cả các Sứ giả (của Ngài)﴾

[Surah Al-Ma-idah: 109]

- Ông Mujahid (r.a) nói về Lời phán ﴿أُقْتَتَتْ – Uqqitat﴾ như sau: **“Có nghĩa là trì hoãn lại.”**
- Ông Ath-Thawri (r.a) thuật lại từ ông Mansur (r.a) từ ông Ibrahim (r.a) rằng ông đã nói về Lời phán ﴿أُقْتَتَتْ – Uqqitat﴾ như sau: **“Nó có nghĩa là sự hứa hẹn.”** Nó có vẻ như quan điểm của ông là dựa vào Lời phán của Allah (ﷻ):

﴿وَأَشْرَقَتِ الْأَرْضُ بِنُورِ رَبِّهَا وَوُضِعَ الْكِتَابُ وَجِيءَ بِالنَّبِيِّينَ وَالشُّهَدَاءِ وَقُضِيَ بَيْنَهُم بِالْحَقِّ وَهُمْ لَا يُظْلَمُونَ﴾

(سورة الزمر: ٦٩)

﴿Và trái đất sẽ chói lòa hào quang của *Rabb* của nó và quyển Sổ (hành động của mỗi người) sẽ được mang ra mở trước mặt: các vị Nabi và các người làm chứng sẽ được triệu đến trước mặt và họ sẽ được phân xử một cách công bằng và sẽ không bị đối xử thiệt thòi một tí nào.﴾

[Surah Az-Zumar: 69]

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿لَأَيَّ يَوْمٍ أُجِّلَتْ. لِيَوْمِ الْفُضْلِ. وَمَا أَدْرَاكَ مَا يَوْمُ الْفُضْلِ. وَيَوْمَ يُؤْمَدُ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿Vào Ngày nào (những dấu hiệu đó) được dời lại? Vào Ngày Phân loại (giữa kẻ ác và người thiện). Và điều gì giải thích cho Người biết Ngày Phân loại là gì? Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾; có nghĩa là Allah (ﷻ) đang phán bảo rằng ‘vào Ngày đó các Vị Sứ giả trì hoãn lại sự việc mà Họ trông đợi, và do đó Giờ Phân Xử sẽ xảy ra.

Như, Allah (ﷻ) đã phán:

﴿فَلَا تَحْسَبَنَّ اللَّهَ مُخْلَفًا وَعَدِهِ رُسُلُهُ إِنَّ اللَّهَ عَزِيزٌ ذُو انتِقَامٍ. يَوْمَ تُبَدَّلُ الْأَرْضُ غَيْرَ الْأَرْضِ وَالسَّمَوَاتُ

وَبَرَزُوا لِلَّهِ الْوَاحِدِ الْقَهَّارِ﴾ (سورة إبراهيم: ٤٧ - ٤٨)

﴿Bởi thế, chớ nghĩ rằng Allah sẽ thất hứa với các Sứ giả của Ngài. Chắc chắn Allah là Đấng Toàn Năng, nắm giữ việc trừng phạt. (Hãy cảnh cáo họ về) một Ngày mà trái đất này sẽ biến thành một trái đất khác và các tầng trời cũng thế, và (nhân loại) sẽ đến trình diện Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Ngự trị.﴾ [Surah Ibrahim: 47 – 48]

Đây là Ngày Phân loại, như Allah (ﷻ) đã phán:

﴿لِيَوْمِ الْفُضْلِ﴾

﴿Vào Ngày Phân loại (giữa kẻ ác và người thiện).﴾

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán trong sự khuếch trương vấn đề của nó:

﴿وَمَا أَدْرَاكَ مَا يَوْمُ الْفُضْلِ. وَيَوْمَ يُؤْمَدُ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿Và điều gì giải thích cho Người biết về Ngày Phân loại là gì? Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾; có nghĩa là khôn khổ thay chúng rằng sự trừng phạt nặng nề của Allah (ﷻ) sẽ giáng lên đầu chúng trong tương lai.



﴿أَلَمْ نُهْلِكِ الْأُولِينَ﴾ (١٦)

﴿16- Há TA đã không tiêu diệt những người xưa (làm ác) hay sao?﴾

﴿ثُمَّ نُنَبِّئُهُمُ الْآخِرِينَ (١٧)﴾

﴿17- Rồi, TA làm cho những thế hệ sau này làm theo chúng.﴾

﴿كَذَلِكَ نَفْعَلُ بِالْمُجْرِمِينَ (١٨)﴾

﴿18- TA đối xử với những kẻ tội lỗi đúng như thế.﴾

﴿وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ (١٩)﴾

﴿19- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

﴿أَلَمْ نَخْلُقْكُمْ مِّن مَّاءٍ مَّهِينٍ (٢٠)﴾

﴿20- Há TA đã không tạo các người từ một chất lỏng đáng khinh ư?﴾

﴿فَجَعَلْنَاهُ فِي قَرَارٍ مَّكِينٍ (٢١)﴾

﴿21- Mà TA đã đặt an toàn tại một nơi chứa cố định.﴾

﴿إِلَى قَدَرٍ مَّعْلُومٍ (٢٢)﴾

﴿22- Đến một thời kỳ ấn định.﴾

﴿فَقَدَرْنَا فَنِعْمَ الْقَادِرُونَ (٢٣)﴾

﴿23- Do đó, TA quyết định bởi vì TA là Đấng Quyết Định siêu việt.﴾

﴿وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ (٢٤)﴾

﴿24- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

﴿أَلَمْ نَجْعَلِ الْأَرْضَ كِفَاتًا (٢٥)﴾

﴿25- Há TA đã không làm trái đất thành một nơi đón nhận﴾

﴿أَحْيَاءَ وَأَمْوَاتًا (٢٦)﴾

﴿26- Người sống và kẻ chết?﴾

﴿وَجَعَلْنَا فِيهَا رَوَاسِيَ شَاخِصَاتٍ وَأَسْقَيْنَكُم مَّاءً فُرَاتًا (٢٧)﴾

﴿27- Và đã đặt nơi đó những quả núi cao sừng sững vững chắc và cung cấp cho các người nước uống mát rượi hay sao?﴾

﴿وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ (٢٨)﴾

﴿28- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾





## LỜI KÊU GỌI SUY NGẪM VỀ SỰ BIỂU THỊ QUYỀN LỰC CỦA ALLAH:

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿أَلَمْ نُهْلِكِ الْأُولِينَ﴾

﴿**Há TA đã không tiêu diệt những người xưa (làm ác) hay sao?**﴾; có nghĩa là họ là những kẻ đã phủ nhận các Vị Sứ giả và chống đối lại những gì mà Họ mang đến cho chúng.

﴿ثُمَّ نَتَّبِعُهُمُ الْآخِرِينَ﴾

﴿**Rồi, TA làm cho những thế hệ sau này làm theo chúng.**﴾; nghĩa là những ai làm giống như chúng.

Do đó, Allah (ﷻ) đã phán:

﴿كَذَلِكَ نَفْعَلُ بِالْمُجْرِمِينَ. وَيُلْ يُومِئِدِ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿**Rồi, TA làm cho những thế hệ sau này làm theo chúng. Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!**﴾

- Ông Ibn Jarir (رضي الله عنه) cũng đã nói tương tự. Allah (ﷻ) nhắc nhở các tạo vật của Ngài (ﷻ) về Đặc ân của Ngài (ﷻ), và sử dụng sự khởi đầu của sự tạo hóa để ủng hộ quan điểm của việc tái tạo hóa.

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿أَلَمْ تَخْلُقْهُمْ مِّنْ مَّاءٍ مَّهِينٍ﴾

﴿**Há TA đã không tạo các người từ một chất lỏng đáng khinh ư?**﴾; có nghĩa là yếu kém và đáng khinh khi so sánh với Sức Mạnh của Đấng Tạo Hóa (ﷻ). Nó tương tự với những gì đã được thuật lại trong Hadith của Busr bin Jahhash (rằng Allah (ﷻ) phán):

«ابْنَ آدَمَ أَنِّي تُعْجِرُنِي وَقَدْ خَلَقْتِكَ مِنْ مِثْلِ هَذِهِ؟»

“**Hỡi Con cháu của Adam! Làm sau mà các người có thể nghĩ rằng TA không thể, nhưng TA đã tạo ra các người những thứ giống như vậy (giọt tinh dịch).**”

﴿فَجَعَلْنَاهُ فِي قَرَارٍ مَّكِينٍ﴾

﴿**Mà TA đã đặt an toàn tại một nơi chứa cố định.**﴾; có nghĩa là Allah (ﷻ) đã đặt y trong dạ con (tử cung), nơi mà giọt tinh dịch của đàn ông và đàn bà trú ngụ. Dạ con được chuẩn bị cho điều này, như là một người bảo vệ cho các giọt tinh dịch đọng trong nó.

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿إِلَى قَدَرٍ مَّعْلُومٍ﴾

﴿**Đến một thời kỳ ấn định**﴾; có nghĩa là một khoảng thời gian ấn định, từ sáu cho đến chín tháng.

Vì vậy, Allah (ﷻ) đã phán:

﴿فَقَدَرْنَا فَنِعْمَ الْقَادِرُونَ. وَيَلَّ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿Do đó, TA quyết định bởi vì TA là Đấng Quyết Định siêu việt. Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

Sau đó, thì Allah (ﷻ) đã phán tiếp:

﴿أَلَمْ نَجْعَلِ الْأَرْضَ كِفَاتًا. أَحْيَاءً وَأَمْوَاتًا﴾

﴿Há TA đã không làm trái đất thành một nơi đón nhận Người sống và kẻ chết?﴾

- Ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) đã nói như sau: “Kifat (كفاتا) có nghĩa là *một nơi trú ẩn*.”
- Ông Mujahid (r.a) thì nói như sau: “*Nó nắm giữ cái chết, và không có gì có thể nhìn thấy được mọi vật trong nó.*”
- Ông Ash-Sha`bi (r.a) nói rằng: “*Bên trong nó thì dành cho cái chết của các người, và bề mặt của nó dành cho sự sống của các người.*”
- Ông Mujahid và ông Qatadah (r.a) cũng đã nói tương tự.

﴿وَجَعَلْنَا فِيهَا رَوَاسِيَ شَاخِصَاتٍ﴾

﴿Và đã đặt nơi đó những quả núi cao sừng sững vững chắc﴾; có nghĩa là các quả núi. Trái đất là nơi các quả núi được đặt vững chắc, không rung chuyển và lắc lư.

﴿وَأَسْقَيْنَكُم مَّاءً فُرَاتًا﴾

﴿Và cung cấp cho các người nguồn nước mát rượi hay sao?﴾; có nghĩa là nguồn nước uống mát rượi và thơm ngon từ đám mây, hoặc là phụt ra từ những mạch nước ngầm của trái đất.

﴿وَيَلَّ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾; nghĩa là khôn khổ thay cho những ai suy ngẫm về những tạo vật này. Những tạo vật đã chứng minh cho thấy rõ Sự Vĩ Đại của Đấng Tạo Hoá của họ; nhưng sau đó thì họ lại tiếp tục phủ nhận và không tin tưởng nơi Ngài (ﷻ).



﴿انظُرُوا إِلَى مَا كُنتُمْ بِهِ تُكَذِّبُونَ (٢٩)﴾

﴿29- “Hãy đi đến cái (Hỏa ngục) mà các người đã từng phủ nhận.”﴾

﴿انظُرُوا إِلَى ظِلِّ ذِي تِلْثِ شُعَبٍ (٣٠)﴾

﴿30- “Hãy đi đến chỗ bóng tối của ba trụ cột (khói đen bay lên),﴾

﴿لَا ظَلِيلٍ وَلَا يُغْنِي مِنَ اللَّهَبِ (٣١)﴾

﴿31- “Không che mát cũng không che chở các người khỏi Lửa ngọn.”﴾

﴿إِنَّهَا تَرْمِي بِشَرِّرٍ كَالْقَصْرِ (٣٢)﴾

﴿32- Quả thật Nó hạ ra những ngọn lửa to như những pháo đài.﴾

﴿كَأَنَّهُ جِمَلَةٌ صُفْرٌ (٣٣)﴾

﴿33- Giống những con lạc đà màu vàng.﴾

﴿وَيُلْ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ (٣٤)﴾

﴿34- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

﴿هَذَا يَوْمٌ لَا يَنْطُقُونَ (٣٥)﴾

﴿35- Đây là Ngày mà chúng sẽ không nói được,﴾

﴿وَلَا يُؤَدُّنَ لَهُمْ فَيَعْتَذِرُونَ (٣٦)﴾

﴿36- Cũng sẽ không khiêu nại điều gì.﴾

﴿وَيُلْ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ (٣٧)﴾

﴿37- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

﴿هَذَا يَوْمُ الْفُضْلِ جَمَعْنَاكُمْ وَالْأُولَىٰ (٣٨)﴾

﴿38- Đây là Ngày Phân loại, TA sẽ tập trung các người và những người xưa.﴾

﴿فَإِنْ كَانَ لَكُمْ كَيْدٌ فَكِيدُوا (٣٩)﴾

﴿39- Nếu các người có mưu định gì, thì hãy dùng nó mà phá hỏng TA thử xem.﴾

﴿وَيُلْ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ (٤٠)﴾

﴿40- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾



**DỒN NHỮNG KẺ TỘI LỘI VÀO NƠI TRÚ NGỤ CUỐI CÙNG CỦA CHÚNG TRONG HỎA NGỤC, VÀ NÓ SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?**

Allah (ﷻ) báo cho biết về những kẻ không tin phủ nhận nơi trú ẩn cuối cùng, sự báo đáp, Thiên đàng và Hỏa Ngục.

Vào Ngày Phán Xét, nó sẽ được nói với họ như sau:

﴿انظِرُوا إِلَىٰ مَا كُنتُمْ بِهِ تُكَذِّبُونَ. انظِرُوا إِلَىٰ ظِلِّ ذِي ثَلَاثِ شُعَبٍ﴾

﴿“Hãy đi đến cái (Hỏa ngục) mà các người đã từng phủ nhận.” “Hãy đi đến chỗ bóng tối của ba trụ cột (khói đen bay lên),﴾; có nghĩa là ngọn lửa cháy rục lên cao cùng với khói đen của nó. Với mức độ nghiêm trọng và sức mạnh của nó tạo ra ba trụ cột khói đen cao ngút.

﴿لَا ظَلِيلٍ وَلَا يُغْنِي مِنَ اللَّهَبِ﴾

﴿“Không che mát cũng không che chở các người khỏi Lửa ngọn.”﴾; có nghĩa là bóng tối của khói đến từ ngọn lửa, bản thân của Hỏa ngục không có bóng tối và cũng không gì để chống lại lửa ngọn. Có nghĩa rằng nó sẽ không bảo chúng tránh khỏi sức nóng thiêu đốt của lửa ngọn.

﴿إِنَّهَا تَرْمِي بِشَرَرٍ كَالْقَصْرِ﴾

﴿Quả thật Nó hà ra những ngọn lửa to như những pháo đài.﴾; có nghĩa là nó sẽ phát ra các tia lửa lớn như những khẩu pháo đài to lớn.

- Ông Ibn Mas`ud (رضي الله عنه) đã nói như sau: **“Giống như những pháo đài.”**
- Ông Ibn `Abbas, ông Mujahid, ông Qatadah và ông Malik (r.a) thuật lại từ ông Zayd bin Aslam (r.a) và từ nhiều người khác như sau: **“Nó có nghĩa là những thân cây.”**

﴿كَأَنَّهُ جِمَلَةٌ صُفْرٌ﴾

﴿Giống những con lạc đà màu vàng.﴾;

- Các ông Mujahid, ông Al-Hasan, ông Qatadah, và ông Ad-Dahhak (r.a) thì nói rằng đây là những con lạc đà màu đen. Ông Ibn Jarir (r.a) rất thích lời diễn giải này.
- Ông Ibn `Abbas, ông Mujahid và ông Sa`id bin Jubayr (رضي الله عنه) nói về ﴿جِمَلَةٌ صُفْرٌ﴾ - **những con lạc đà màu vàng**﴿ như sau: **“Nó có nghĩa là các sợi dây của những con tàu.”**

﴿إِنَّهَا تَرْمِي بِشَرَرٍ كَالْقَصْرِ﴾

﴿Quả thật Nó hà ra những ngọn lửa to như những pháo đài.﴾

- Imam Al-Bukhari (r.a) ghi chép lại rằng ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) đã nói như sau: **“Chúng tôi quản lý những thanh gỗ dài ba cubit<sup>1</sup> hoặc là dài hơn nữa để sử dụng cho việc xây dựng các tòa nhà. Chúng tôi thường gọi nó là Al-Qasr (القصر).”**

﴿كَأَنَّهُ جِمَلَةٌ صُفْرٌ﴾

﴿Giống những con lạc đà màu vàng.﴾

Những (Jimilat - جِمَلَةٌ) này là những sợi dây của các con tàu được bó lại cho đến khi chúng giống như ruột của con người.

﴿وَيُلْ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

<sup>1</sup>. Đơn vị đo chiều dài ngày xưa. 1cubit = 45cm72.

﴿Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾



## NHỮNG KẺ TỘI LỖI KHÔNG THỂ NÓI ĐƯỢC, TỰ BÀO CHỮA HAY LÀ BƯỚC ĐI VÀO NGÀY PHỤC SINH:

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿هَذَا يَوْمٌ لَا يَنْطِقُونَ﴾

﴿**Đây là Ngày mà chúng sẽ không nói được,**﴾; có nghĩa là những kẻ không có đức tin sẽ không nói được.

﴿وَلَا يُؤَدِّنُ لَهُمْ فَيَعْتَدِرُونَ﴾

﴿**Cũng sẽ không khiêu nại điều gì.**﴾; có nghĩa là họ sẽ không thể nói được, và cũng không được phép để nói, và vì thế họ không thể tự bào chữa cho bản thân họ được. Thay vào đó, các bằng chứng sẽ được thiết lập để chống lại họ, và họ sẽ được gọi lên nói về những việc làm sai trái mà họ đã làm; tuy nhiên họ sẽ không thể nói được gì cả. Các phiên tòa của Ngày Phán Xét sẽ diễn ra trong nhiều giai đoạn. Đôi lúc, Đấng Chủ Tể báo cho biết về giai đoạn này, và đôi lúc báo cho biết về giai đoạn kia. Điều này cho thấy sự khủng khiếp và tai ương của Ngày đó.

Vì vậy, sau tất cả các chi tiết của sự thảo luận này, Ngài (ﷻ) phán:

﴿وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

Sau đó, Ngài (ﷻ) đã phán như sau:

﴿هَذَا يَوْمُ الْفَصْلِ جَمَعْنَاكُمْ وَالْأُولَىٰ. فَإِنْ كَانَكُمْ كَيْدٌ فَكِيدُونَ﴾

﴿**Đây là Ngày Phân loại, TA sẽ tập trung các người và những người xưa. Nếu các người có mưu định gì, thì hãy dùng nó mà phá hỏng TA thử xem.**﴾; đây là một bài nói chuyện của Đấng Chủ Tể (ﷻ) với các bầy tôi của Ngài (ﷻ).

Ngài (ﷻ) phán bảo họ:

﴿هَذَا يَوْمُ الْفَصْلِ جَمَعْنَاكُمْ وَالْأُولَىٰ﴾

﴿**Đây là Ngày Phân loại, TA sẽ tập trung các người và những người xưa.**﴾; có nghĩa là bằng Sức mạnh của Ngài (ﷻ) sẽ tập hợp họ lại tại một nơi, Ngài (ﷻ) sẽ làm cho họ nghe thấy được người gọi họ.

Sau đó, Ngài (ﷻ) phán:

﴿فَإِنْ كَانَكُمْ كَيْدٌ فَكِيدُونَ﴾

﴿**Nếu các người có mưu định gì, thì hãy dùng nó mà phá hỏng TA thử xem.**﴾



Đây là một lời đe dọa nghiêm trọng và lời cảnh báo khắc nghiệt. Nghĩa là ‘nếu các người có thể cứu được bản thân của các người từ Sự Kim Hãm của TA (Allah), và giải cứu bản thân của các người thoát khỏi Sự Quyết Định của TA thì hãy thực hiện nó đi. Nhưng chắc chắn các người không thể làm được điều gì cả.’

Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿يَمْعَشَرِ الْجِنَّ وَالْإِنْسِ إِنْ اسْتَطَعْتُمْ أَنْ تَنْفُذُوا مِنْ أَقْطَرِ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ فَانْفُذُوا لَا تَنْفُذُونَ إِلَّا بِسُلْطَانٍ﴾  
(سورة الرحمن: ٣٣)

﴿Này hỡi tập đoàn Jinn và loài người! Nếu các người có khả năng vượt qua được phạm vi của các tầng trời và trái đất thì hãy vượt đi! Nhưng các người chỉ có thể vượt qua được với quyền hạn được ban cấp.﴾ [Surah Ar-Rahman: 55]

Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿وَلَا تَضُرُّوهُ شَيْئًا﴾ (سورة هود: ٥٧)

﴿Và các người sẽ không hãm hại được Ngài một tí nào﴾ [Surah Hud: 57]

Nó được thuật lại trong một Hadith (rằng Allah (ﷻ) đã phán):

«يَا عِبَادِي، إِنَّكُمْ لَنْ تَبْلُغُوا نَفْعِي فَتَنْفَعُونِي، وَلَنْ تَبْلُغُوا ضَرِّي فَتَضُرُّونِي»

“Hỡi các bề tôi của TA! Các người chẳng bao giờ có thể giành được lợi ích của TA và cũng chẳng làm lợi được cho TA, và các người chẳng bao giờ có thể giành được sự hãm hại của TA và cũng chẳng làm hại TA được.”



﴿إِنَّ الْمُتَّقِينَ فِي ظِلِّ وَعُيُونٍ﴾ (٤١)

﴿41- Quả thật, những người sợ Allah sẽ ở dưới bóng mát và gần suối nước trong;﴾

﴿وَفَوْكِهِ مِمَّا يَشْتَهُونَ﴾ (٤٢)

﴿42- (Hưởng) loại trái cây nào mà họ thích.﴾

﴿كُلُوا وَاشْرَبُوا هَنِيئًا بِمَا كُنْتُمْ تَعْمَلُونَ﴾ (٤٣)

﴿43- “Hãy ăn và uống cho mãn nguyện tâm lòng do những việc (thiện) mà quý vị đã từng làm.”﴾

﴿إِنَّا كَذَلِكَ نَجْزِي الْمُحْسِنِينَ﴾ (٤٤)

﴿44- Chắc chắn, TA sẽ trọng thưởng những người làm tốt đúng như thế.﴾

﴿وَلِيْلَ يَوْمِئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾ (٤٥)

﴿45- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

﴿كُلُوا وَامْتَعُوا قَلِيلًا إِنَّكُمْ تُجْرِمُونَ﴾ (٤٦)

﴿46- (Hỡi những kẻ không tin!) Cứ ăn uống và hưởng thụ cuộc đời ngắn ngủi này. Chắc chắn, các người là những kẻ tội lỗi.﴾

﴿وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾ (٤٧)

﴿47- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

﴿وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ارْكَعُوا لَا يَرْكَعُونَ﴾ (٤٨)

﴿48- Và khi có lời bảo chúng: “Hãy cúi đầu, chúng không cúi đầu.”﴾

﴿وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾ (٤٩)

﴿40- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!﴾

﴿فَبِأَيِّ حَدِيثٍ بَعْدَهُ يُؤْمِنُونَ﴾ (٥٠)

﴿50- Thế, chúng sẽ tin tưởng vào Lời tường trình nào sau Nó (Qur'an)?﴾



## NƠI TRÚ ẨN CUỐI CÙNG CHO NHỮNG NGƯỜI BIẾT KÍNH SỢ ALLAH:

Allah (ﷻ) bảo các bề tôi của Ngài (ﷻ) phải có Taqwa và thờ phụng duy nhất Ngài (ﷻ) qua việc thực thi các trách nhiệm, và tránh làm những điều bị nghiêm cấm thì họ sẽ được vào các Ngõ-vườn Thiên-đàng có các dòng sông mát rượi vào Ngày Phán Xét. Có nghĩa là họ sẽ ở vào hoàn cảnh trái ngược hoàn toàn với hoàn cảnh khốn khổ và bất hạnh của những kẻ không có đức tin. Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿وَفَوْكَهَ مِمَّا يَشْتَهُونَ﴾

﴿(Hưởng) loại trái cây nào mà họ thích.﴾; có nghĩa là từ nhiều loại trái cây, họ sẽ có được tất cả những gì mà họ muốn.

﴿كُلُوا وَاشْرَبُوا هَنِيئًا بِمَا كُنْتُمْ تَعْمَلُونَ﴾

﴿“Hãy ăn và uống cho mãn nguyện tấm lòng do những việc (thiện) mà quý vị đã từng làm.”﴾; có nghĩa là Lời phán này sẽ được nói với họ bằng sự ân cần dành cho họ. Tái lập những gì mà Ngài (ﷻ) đã đề cập trước đây.

Allah (ﷻ) đã phán:

﴿إِنَّا كَذَلِكَ نَجْزِي الْمُحْسِنِينَ﴾

﴿44- Chắc chắn, TA sẽ trọng thưởng những người làm tốt đúng như thế.﴾; có nghĩa là phần thưởng của Allah (ﷻ) dành cho những ai làm nhiều việc tốt.

﴿**Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!**﴾



**LỜI ĐE DỌA ĐỐI VỚI NHỮNG KẺ PHỦ NHẬN NGÀY PHÁN XÉT:**

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

﴿كُلُوا وَامْتَعُوا قَلِيلًا إِنَّكُمْ مُجْرِمُونَ﴾

﴿**(Hỡi những kẻ không tin!) Cứ ăn uống và hưởng thụ cuộc đời ngắn ngủi này. Chắc chắn, các người là những kẻ tội lỗi.**﴾; Đây là một lời cảnh báo đối với những kẻ phủ nhận Ngày Phán Xét. Một mệnh lệnh đầy sự cảnh báo và đe dọa dành cho chúng.

Allah (ﷻ) phán:

﴿كُلُوا وَامْتَعُوا قَلِيلًا﴾

﴿**Cứ ăn uống và hưởng thụ cuộc đời ngắn ngủi này.**﴾; có nghĩa là trong một khoảng thời gian ngắn và chớp nhoáng.

﴿إِنَّكُمْ مُجْرِمُونَ﴾

﴿**Chắc chắn, các người là những kẻ tội lỗi.**﴾; có nghĩa là các người sẽ bị đôn vào Hỏa ngục như đã được cảnh báo.

﴿وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿**Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!**﴾

Tương tự, như Lời phán của Allah (ﷻ):

﴿نُمتَّعُهُمْ قَلِيلًا ثُمَّ نَضْطَرُّهُمْ إِلَىٰ عَذَابٍ غَلِيظٍ﴾ (سورة لقمان: ٢٤)

﴿**TA để cho chúng hưởng lạc trong một thời gian ngắn rồi TA sẽ lôi chúng đến chỗ trừng phạt khắc nghiệt.**﴾ [Surah Luqman: 24]

Allah (ﷻ) cũng đã phán như sau:

﴿قُلْ إِنَّ الَّذِينَ يَفْتَرُونَ عَلَى اللَّهِ الْكَذِبَ لَا يُفْلِحُونَ. مَتَّعْ فِي الدُّنْيَا ثُمَّ إِلَيْنَا مَرْجِعُهُمْ ثُمَّ نُذِيقُهُمُ

العَذَابَ الشَّدِيدَ بِمَا كَانُوا يَكْفُرُونَ﴾ (سورة يونس: ٦٩ - ٧٠)

﴿**Hãy bảo họ: “Chắc chắn những ai bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah sẽ không bao giờ thành đạt. (Mà chỉ là) một sự hưởng thụ ngắn ngủi nơi trần gian, rồi họ sẽ được đưa trở**

về gặp lại TA sẽ cho họ nếm Hình phạt khủng khiếp về tội họ đã từng phủ nhận (Allah và các Dấu hiệu của Ngài). ﴿ [Surah Yunus: 69 – 70]

Sau đó, Allah (ﷻ) cũng đã phán như sau:

﴿وَإِذَا قِيلَ لَهُمْ ارْكَعُوا لَا يَرْكَعُونَ﴾

﴿Và khi có lời bảo chúng: “Hãy cúi đầu, chúng không cúi đầu.”﴾; có nghĩa là khi những kẻ không tin ngu muội này được lệnh phải dâng lễ nguyện Solah tập thể cùng với những người có đức tin thì chúng từ chối và quay lưng lại đây về kiêu ngạo.

Vì vậy, Allah (ﷻ) đã phán:

﴿وَيُلْ يَوْمَئِذٍ لِّلْمُكَذِّبِينَ﴾

﴿**Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!**﴾

Sau đó, Ngài (ﷻ) đã phán như sau:

﴿فَبِأَيِّ حَدِيثٍ بَعْدَهُ يُؤْمِنُونَ﴾

﴿**Thế, chúng sẽ tin tưởng vào Lời tường trình nào sau Nó (Qur'an)?**﴾; có nghĩa là chúng không sẽ tin vào Thiên kinh Qur'an. Vậy, chúng sẽ tin vào lời tường trình nào?

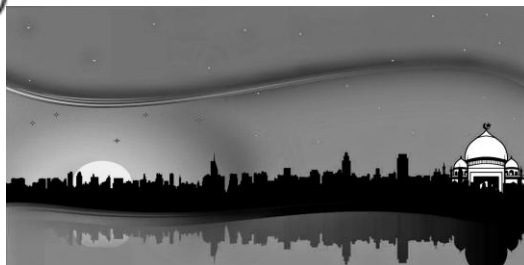
Điều này giống như Allah (ﷻ) đã phán:

﴿فَبِأَيِّ حَدِيثٍ بَعْدَ اللَّهِ وَعَايِسَتِهِ يُؤْمِنُونَ﴾ (سورة الجاثية: ٦)

﴿**Thế, chúng sẽ tin nơi lời tường trình nào sau Allah và các câu Kinh của Ngài?**﴾ [Surah Al-Jathiyah: 6]

والله أعلم وصلى الله وسلم على نبينا محمد وعلى آله وصحبه أجمعين

RohMan Ibrahim



Cựu sinh viên UIA, Malaysia  
Chuyển dịch